DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP CẤP BẰNG THẠC SĨ NĂM 2018

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
1	Đỗ Văn Đức	Nam	21/04/1993	Kinh	Hà Nội	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	04/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192781	CH1.36
2	Phan Anh Giáp	Nam	22/06/1986	Kinh	Phú Thọ	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	04/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192780	CH1.37
3	Cù Thị Thúy Hà	Nữ	19/08/1993	Kinh	Thái Nguyên	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	23/9/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192779	CH1.38
4	Cao Thị Hảo	Nữ	24/06/1993	Kinh	Nghệ An	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	21/9/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192778	CH1.39
5	Đỗ Thanh Hùng	Nam	02/11/1992	Kinh	Hà Nội	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	03/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192777	CH1.40
6	Phùng Công Hưng	Nam	23/08/1990	Kinh	Hà Nội	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	05/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192776	CH1.41
7	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	27/11/1992	Kinh	Hà Tây	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	03/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192775	CH1.42
8	Nguyễn Thị Hường	Nữ	01/10/1993	Kinh	Thanh Hóa	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	04/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192774	CH1.43
9	Diệp Anh Linh	Nam	27/11/1986	Kinh	Thanh Hóa	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	05/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192773	CH1.44
10	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	14/12/1991	Kinh	Hà Bắc	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	03/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192772	CH1.45
11	Phùng Khánh Nguyên	Nam	07/12/1991	Kinh	Liên Xô	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192771	CH1.46
12	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	13/07/1991	Kinh	Vĩnh Phú	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192770	CH1.47
13	Trần Thị Nhàn	Nữ	02/10/1993	Kinh	Hà Nam	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192769	CH1.48
14	Đỗ Văn Phương	Nam	01/08/1991	Kinh	Hà Nội	CH1.MT	Khoa học môi trường	2015-2017	05/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192768	CH1.49
15	Trần Văn Đạt	Nam	03/02/1990	Kinh	Hà Nam	CH1.T	Thủy văn học	2015-2017	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192767	CH1.50
16	Vũ Thị Hương	Nữ	30/04/1993	Kinh	Nam Ninh	CH1.T	Thủy văn học	2015-2017	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192766	CH1.51

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
17	Nguyễn Hoàng Ân	Nam	08/07/1982	Kinh	Thái Bình	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192765	CH1.52
18	Nguyễn Đức Hải	Nam	06/05/1988	Kinh	Hưng Yên	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	30/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192764	CH1.53
19	Đỗ Thị Hằng	Nữ	24/12/1993	Kinh	Hà Bắc	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192763	CH1.54
20	Trần Thị Huế	Nữ	27/09/1993	Kinh	Thái Bình	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192762	CH1.55
21	Hoàng Việt Hùng	Nam	03/07/1991	Kinh	Ninh Bình	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	01/10/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192761	CH1.56
22	Nguyễn Xuân Anh Minh	Nam	17/11/1993	Kinh	Hà Nội	CH1.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015-2017	29/9/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192760	CH1.57
23	Mai Đức An	Nam	24/09/1993	Kinh	Ninh Bình	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	03/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192759	CH2.58
24	Đoàn Văn Chung	Nam	06/04/1991	Kinh	Hà Tây	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	29/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192758	CH2.59
25	Đỗ Khắc Cương	Nam	21/05/1992	Kinh	Yên Bái	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192757	CH2.60
26	Cấn Duy Huấn	Nam	11/11/1991	Kinh	Hà Nội	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192756	CH2.61
27	Mai Đức Mạnh	Nam	16/10/1992	Kinh	Hà Tây	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	05/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192755	CH2.62
28	Chu Thị Ngọc	Nữ	04/09/1992	Kinh	Hà Tây	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	02/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192754	CH2.63
29	Nguyễn Thị Ninh	Nữ	09/01/1981	Kinh	Bắc Ninh	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	03/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192753	CH2.64
30	Nguyễn Quang Thái	Nam	11/02/1988	Kinh	Sơn La	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	29/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192752	CH2.65
31	Phạm Hồng Thắng	Nam	11/10/1993	Kinh	Lai Châu	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	04/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192751	CH2.66
32	Nguyễn Hải Yến	Nữ	08/04/1993	Kinh	Hà Nội	CH2A.MT	Khoa học môi trường	2016-2018	05/01/2018	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192750	CH2.67
33	Phạm Văn Chình	Nam	01/08/1967	Kinh	Hải Phòng	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192749	CH2.68
34	Nguyễn Văn Chung	Nam	19/05/1977	Kinh	Nghệ An	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	26/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192748	CH2.69

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
35	Đào Hải Đăng	Nam	28/06/1980	Kinh	Thái Bình	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192747	CH2.70
36	Phan Sỹ Đồng	Nam	13/08/1973	Kinh	Hà Tĩnh	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	26/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192746	CH2.71
37	Lê Thị Hạnh	Nữ	09/09/1977	Kinh	Thanh Hóa	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	26/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192745	CH2.72
38	Trần Quang Hào	Nam	22/12/1970	Kinh	Hà Nam Ninh	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192744	CH2.73
39	Đỗ Tá Hòa	Nam	11/10/1993	Kinh	Hà Bắc	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192743	CH2.74
40	Lê Thị Hướng	Nữ	09/03/1978	Kinh	Hà Nội	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192742	CH2.75
41	Võ Anh Kiệt	Nam	04/11/1964	Kinh	Nha Trang	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192741	CH2.76
42	Nguyễn Hải Lân	Nam	04/10/1979	Kinh	Hà Nội	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	26/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192740	CH2.77
43	Nguyễn Văn Lý	Nam	28/08/1967	Kinh	Thái Bình	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192739	CH2.78
44	Mạc Đình Nam	Nam	03/05/1986	Kinh	Hải Dương	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	26/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192738	CH2.79
45	Nguyễn Anh Quân	Nam	12/10/1992	Kinh	Vĩnh Phú	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	193680	CH2.80
46	Nguyễn Công Trường	Nam	30/01/1984	Kinh	Hà Nội	CH2A.T	Thủy văn học	2016-2018	27/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192736	CH2.81
47	Nghiêm Quốc Dũng	Nam	09/12/1968	Kinh	Thanh Hóa	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	30/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192735	CH2.82
48	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	11/02/1993	Kinh	Thanh Hóa	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192734	CH2.83
49	Trần Ngọc Hải	Nam	15/09/1978	Kinh	Hà Nội	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	30/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192733	CH2.84
50	Nguyễn Trọng Long	Nam	02/01/1993	Kinh	Hà Nội	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	30/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192732	CH2.85
51	Nguyễn Duy Quyết	Nam	03/05/1983	Kinh	Hà Bắc	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192731	CH2.86
52	Lưu Thị Thu Thương	Nữ	19/08/1976	Kinh	Hòa Bình	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	31/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192730	CH2.87

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
53	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	03/09/1969	Kinh	Thái Bình	CH2A.TĐ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	30/12/2017	Số 4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	389/QĐ-TĐHHN ngày 12/2/2018	192729	CH2.88
54	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	13/12/1991	Kinh	Nam Định	1	Khoa học môi trường	2015-2017	23/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205086	CH1.89
55	Nguyễn Tường Khương Duy	Nam	10/03/1991	Kinh	Hà Tĩnh	1	Khoa học môi trường	2015-2017	21/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	206496	CH1.90
56	Ngô Trung Hiếu	Nam	19/01/1987	Kinh	Hoàng Liên Sơn	1	Khoa học môi trường	2015-2017	22/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205087	CH1.91
57	Ngọc Thị Mơ	Nữ	05/12/1991	Kinh	Bắc Giang	1	Khoa học môi trường	2015-2017	02/01/2018	4701/QĐ- TĐHHN 18/12/2017	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205088	CH1.92
58	Dương Thị Nga	Nữ	02/11/1991	Kinh	Bắc Giang	1	Khoa học môi trường	2015-2017	21/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205089	CH1.93
59	Hoàng Anh Ngọc	Nam	11/04/1979	Kinh	Hà Nội	1	Khoa học môi trường	2015-2017	22/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205090	CH1.94
60	Nguyễn Việt Tiến	Nam	04/02/1981	Kinh	Sơn La	1	Khoa học môi trường	2015-2017	22/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205091	CH1.95
61	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	03/07/1989	Kinh	Hà Bắc	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	24/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205085	CH2.96
62	Kiều Thanh Bình	Nam	25/06/1993	Kinh	Tuyên Quan	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	21/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205093	CH2.97
63	Đoàn Mạnh Cường	Nam	21/11/1992	Kinh	Hà Tây	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	24/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205094	CH2.98
64	Lê Minh Hải	Nam	29/12/1993	Kinh	Lai Châu	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	24/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205096	CH2.99
65	Vũ Bá Hải	Nam	26/06/1990	Kinh	Hải Hưng	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	23/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205097	CH2.100
66	Trần Bảo Lộc	Nam	23/12/1993	Kinh	Hà Nội	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	23/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205098	CH2.101
67	Ngô Bá Quang	Nam	22/12/1986	Kinh	Hà Nội	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	22/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205099	CH2.102
68	Đoàn Thị Như Quỳnh	Nữ	26/08/1993	Kinh	Hà Tây	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	23/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205100	CH2.103
69	Đỗ Công Quỳnh	Nam	08/01/1990	Kinh	Quảng Bình	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	24/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205101	CH2.104
70	Trần Thịnh	Nam	29/03/1990	Kinh	Nghệ Tĩnh	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	23/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	206495	CH2.105

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
71	Cao Minh Thu	Nữ	25/11/1993	Kinh	Hà Nội	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	21/5/2018	1550/QĐ- TĐHHN 04/5/2018	3003/QĐ-TĐHHN ngày 24/8/2018	205103	CH2.106
72	Lê Thị Chung	Nữ	07/12/1993	Kinh	Ninh Bình	1	Khoa học môi trường	2015-2017	03/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205104	CH1.107
73	Nguyễn Thị Tú	Nữ	19/05/1990	Kinh	Hà Nội	1	Khoa học môi trường	2015-2017	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205105	CH1.108
74	Cấn Thị Thanh Hiền	Nữ	29/10/1990	Kinh	Hà Nội	1	Thủy văn học	2015-2017	17/9/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205106	CH1.109
75	Đỗ Trọng Hiếu	Nam	18/12/1991	Kinh	Hà Nội	2A	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205107	CH2.110
76	Trần Ngọc Cương	Nam	27/08/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205108	CH2.111
77	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	05/12/1993	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205109	CH2.112
78	Đặng Ngọc Điệp	Nữ	12/05/1994	Kinh	Nam Định	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205110	CH2.113
79	Nguyễn Hương Giang	Nữ	27/12/1993	Kinh	Hà Tây	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205111	CH2.114
80	Lê Thu Hằng	Nữ	13/12/1994	Kinh	Hà Tây	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205112	CH2.115
81	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	15/06/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205113	CH2.116
82	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	14/11/1994	Kinh	Hà Tây	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205114	CH2.117
83	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	06/05/1994	Kinh	Thái Bình	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205115	CH2.118
84	Tống Việt Hùng	Nam	16/12/1990	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205116	CH2.119
85	Nguyễn Đức Khánh	Nam	13/09/1993	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205117	CH2.120
86	Vũ Văn Long	Nam	10/10/1992	Kinh	Quảng Ninh	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205118	CH2.121
87	Nguyễn Thanh Nga	Nữ	13/05/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205119	CH2.122
88	Nguyễn Thị Nga	Nữ	15/08/1993	Kinh	Hải Dương	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205120	CH2.123

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
89	Lê Phương Ngân	Nữ	13/01/1992	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205121	CH2.124
90	Nguyễn Thị Lê Ngân	Nữ	18/11/1991	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205122	CH2.125
91	Bùi Thị Ngọc	Nữ	31/01/1993	Kinh	Quảng Ninh	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205123	CH2.126
92	Ngô Yến Ngọc	Nữ	29/09/1994	Kinh	Lai Châu	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205124	CH2.127
93	Chu Văn Thái	Nam	16/06/1992	Kinh	Bắc Giang	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205125	CH2.128
94	Trương Thị Thanh Thủy	Nữ	21/01/1992	Kinh	Ninh Bình	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205126	CH2.129
95	Vũ Thị Bích Thủy	Nữ	13/03/1990	Kinh	Yên Bái	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205127	CH2.130
96	Nguyễn Khánh Toàn	Nam	21/07/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	16/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205128	CH2.131
97	Nguyễn Bá Trung	Nam	14/05/1990	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205129	CH2.132
98	Ngô Thanh Tùng	Nam	07/11/1993	Kinh	Hà Tây	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205130	CH2.133
99	Bùi Thị Thúy Vân	Nữ	09/10/1990	Kinh	Phú Thọ	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205131	CH2.134
100	Tô Ngọc Vũ	Nam	30/03/1993	Kinh	Hà Nội	2B	Quản lý đất đai	2016-2018	15/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205132	CH2.135
101	Đặng Nguyệt Anh	Nữ	27/12/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205133	CH2.136
102	Nguyễn Phương Anh	Nữ	18/01/1995	Kinh	Thái Bình	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	30/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	206497	CH2.137
103	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	04/11/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	02/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205135	CH2.138
104	Nguyễn Quỳnh Hoa	Nữ	09/04/1992	Kinh	Hà Nội	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205136	CH2.139
105	Ngô Thu Hương	Nữ	27/07/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205137	CH2.140
106	Chử Hoàng Lan	Nữ	25/12/1993	Kinh	Hà Nội	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205138	CH2.141

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
107	Lê Khánh Linh	Nữ	12/07/1994	Kinh	Sơn La	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205139	CH2.142
108	Phạm Thị Mai	Nữ	28/12/1993	Kinh	Thái Bình	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205140	CH2.143
109	Vũ Ngân Phương	Nữ	24/05/1994	Kinh	Hà Tây	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	29/9/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205141	CH2.144
110	Hồ Hương Thảo	Nữ	15/11/1994	Kinh	Vĩnh Phú	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205142	CH2.145
111	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	02/09/1994	Kinh	Ninh Bình	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205143	CH2.146
112	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	05/03/1994	Kinh	Hà Tây	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	03/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205144	CH2.147
113	Nguyễn Hưng Thịnh	Nam	11/06/1994	Tày	Lào Cai	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	29/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205145	CH2.148
114	Đặng Anh Tiến	Nam	11/04/1992	Kinh	Hà Tây	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205146	CH2.149
115	Phan Hà Trang	Nữ	18/05/1994	Kinh	Quảng Ninh	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	04/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205147	CH2.150
116	Phạm Anh Tú	Nam	31/07/1994	Kinh	Nam Hà	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205148	CH2.151
117	Hoàng Ngọc Yến	Nữ	31/05/1994	Kinh	Lào Cai	2B	Khoa học môi trường	2016-2018	01/10/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205149	CH2.152
118	Dương Tiến Đạt	Nam	10/07/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/9/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205150	CH2.153
119	Nguyễn Văn Huy	Nam	10/12/1971	Kinh	Hà Bắc	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205151	CH2.154
120	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	07/10/1994	Kinh	Bắc Ninh	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/9/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205152	CH2.155
121	Vũ Duy Quang	Nam	12/06/1994	Kinh	Hà Nội	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/9/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205153	CH2.156
122	Trịnh Thế Thành	Nam	08/12/1985	Kinh	Thanh Hóa	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205154	CH2.157
123	Hà Thị Hồng Vân	Nữ	08/05/1994	Kinh	Nam Hà	2B	Thủy văn học	2016-2018	17/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205155	CH2.158
124	Lê Xuân Đức	Nam	17/05/1972	Kinh	Hà Tĩnh	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205156	CH2.159

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa/Lớp	Chuyên ngành	Khóa học	Ngày bảo vệ	QĐ thành lập HĐ bảo vệ LV	QĐ công nhận TN	Số hiệu VB	Số vào sổ
125	Trần Xuân Hiền	Nam	21/12/1967	Kinh	Hà Nam	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205157	CH2.160
126	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ	20/09/1984	Kinh	Hà Sơn Bình	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205158	CH2.161
127	Trần Phúc Hưng	Nam	21/07/1991	Kinh	Lào Cai	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205159	CH2.162
128	Phí Thị Ngà	Nữ	20/01/1975	Kinh	Bắc Ninh	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205160	CH2.163
129	Phạm Xuân Nhị	Nam	23/10/1979	Kinh	Bắc Giang	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205161	CH2.164
130	Trần Trung Thành	Nam	15/03/1967	Kinh	Nghệ An	2B	Khí tượng và khí hậu học	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205162	CH2.165
131	Trịnh Đức Anh	Nam	25/09/1982	Kinh	Lào Cai	2B	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205163	CH2.166
132	Trần Văn Hải	Nam	15/07/1992	Kinh	Hòa Bình	2B	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205164	CH2.167
133	Trịnh Việt Thắng	Nam	01/06/1993	Kinh	Thái Bình	2B	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2016-2018	22/09/2018	3148/QĐ- TĐHHN 04/9/2018	4251/QĐ-TĐHHN ngày 14/11/2018	205095	CH2.168